

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 366/2024/DS-PT
Ngày 29 - 5 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm
Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 783/2023/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 719/2021/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 748/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1186/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thúy L, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 75/39/2a Đường D K, Khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Thúy L: Ông Trần Đức P, sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ: Số D đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ nơi làm việc: Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty TNHH K – Tầng C, Tòa nhà L, Số I T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Phạm Thị Kiều H, sinh năm 1984 (Văn bản ủy quyền lập ngày 14/2/2020) (có mặt);

Địa chỉ: A, Tầng A, Tòa nhà V, số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ nơi làm việc: Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty TNHH K – Tầng C, Tòa nhà L, Số I T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Phạm Thị Kiều H, sinh năm 1984 (Văn bản ủy quyền lập ngày 26/2/2020) (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH K

Địa chỉ trụ sở: Tầng I tòa nhà G, số A T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH K: Bà Hoàng Tố U, sinh năm 1990 (Văn bản ủy quyền lập ngày 17/5/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Goh Leong H1, Sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: A S, #02-191, 570309, Singapore.

Người đại diện theo ủy quyền Ông Goh Leong H1: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số D đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị Thúy L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày, lời khai trong quá trình giải quyết, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Trước đây, bà Võ Thị Thúy L được nhân viên của Công ty A4, sau này mới biết là Công ty TNHH K (gọi tắt là công ty) mời đến tầng C, Tòa nhà L, 9 T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để tham gia buổi hội thảo văn phòng đại diện của Công ty K tổ chức, sau hội thảo được tặng phiếu du lịch miễn phí.

Vào ngày 03/3/2019, Người tiêu dùng đến tầng 34 Tòa nhà L để tham dự hội thảo. Tại đây, Người tiêu dùng được xem mô hình dự án A được trưng bày tại sảnh của khu vực tổ chức hội thảo, được đọc bài báo Dân Trí với ảnh phóng to treo tại hành lang (Trong bài báo dân trí có nội dung: “Ông Igal A...ông là chủ đầu tư của dự án Kỳ nghỉ trọn đời A1, tại N”). Người tiêu dùng được nghe nhân viên của Công ty K giới thiệu đây là dự án có vốn đầu tư 300 triệu USD tại N, có 400 căn hộ du lịch và 200 biệt thự du lịch, do ông tỷ phú người Israel làm chủ đầu tư, ông tỷ phú này còn được Việt Nam bổ nhiệm làm lãnh sự danh dự tại Israel, nội dung của "Tạp chí A1" do Công ty phát hành mỗi năm 1 kỳ (năm 2013, năm 2014, năm 2015, năm 2016, năm 2017), "Alma là giao dịch tốt nhất", "Alma là khoản đầu tư nhất tại Việt Nam", dự án A tại bãi biển N xanh mát". Với nội dung như vậy, làm Người tiêu dùng rất tin tưởng và không một chút nghi ngờ.

Tại buổi hội thảo, nhân viên - Nguyễn Minh C làm việc tại Văn phòng đại diện - Công ty K cho biết dự án đã đang xây dựng, dự kiến cuối năm 2019 sẽ hoàn thành toàn bộ, chủ sở hữu có thể nghỉ dưỡng, cho người khác thuê, trao đổi với nước ngoài, để lại thừa kế quyền tài sản. Hôm nay chỉ có vài suất ưu đãi và giảm giá, phải đặt giữ chỗ ngay còn hôm khác sẽ không còn, dù có đến Công ty cũng không được ký.

Do bị mê hoặc bởi các thông tin từ đầu đến thời điểm này nên bà L đã đồng ý chọn đặt giữ chỗ. Nhân viên Nguyễn Minh C và Đặng Ngọc T của Văn phòng đại diện - Công ty giải thích là chỉ cần đặt giữ chỗ trước, ký hợp đồng sau. Lúc đó nhân viên ghi thông tin lên tờ “Xác nhận đặt chỗ”. Nếu khi ký Hợp đồng mà thiếu tiền thì Ngân hàng sẽ cho vay với lãi suất 0% trong 2 năm để thanh toán tiền ngay cho Công ty.

Lúc đó, nhân viên tiếp tục yêu cầu phải nộp đặt giữ chỗ đủ và ký tờ “Xác nhận đặt chỗ”. Trên tờ "Xác nhận đặt chỗ" có người tiêu dùng và Nguyễn Minh C và Đặng Ngọc T làm việc tại Văn phòng đại diện - Công ty K ký là nhân viên Quản lý kinh doanh, văn bản chỉ có đóng dấu treo tại góc trên của tờ giấy. Sau khi ký “Xác nhận đặt chỗ” thì nhân viên Nguyễn Minh C và Đặng Ngọc T có thu tiền của bà L.

Bà L nhận thấy quá trình giao dịch trái quy định và vi phạm hành vi cấm của L1, cụ thể :

Có hành vi trái với quy định về quảng cáo tại khoản 9 Điều 8 Luật Quảng cáo. Tại khoản 9 Điều 8 Luật Quảng cáo quy định về hành vi cấm trong hoạt động quảng cáo: “9. *Quảng cáo không đúng hoặc gây nhầm lẫn về khả năng kinh doanh, khả năng cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; về số lượng, chất lượng, giá, công dụng, kiểu dáng, bao bì, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại, phương thức phục vụ, thời hạn bảo hành của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký hoặc đã được công bố*”. Trong khi đó, nhân viên của Văn phòng đại diện - Công ty và trong cuốn Tạp chí A5 giới thiệu: Dự án Alma có vốn đầu tư 300 triệu đô la Mỹ, ông Igal David A2 là tỷ phú nhưng không có chứng cứ, Dự án Alma tại TP ..

Có hành vi trái với quy định về quảng cáo tại khoản 11 Điều 8 Luật Quảng cáo. Tại khoản 11 Điều 8 Luật Quảng cáo quy định về hành vi cấm trong hoạt động quảng cáo: “11. *Quảng cáo có sử dụng các từ ngữ “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc từ ngữ có ý nghĩa tương tự mà không có tài liệu hợp pháp chứng minh theo quy định của Bộ V*” Trong khi đó, nhân viên của Văn phòng đại diện - Công ty và trong cuốn Tạp chí A1 giới thiệu “Alma là giao dịch tốt nhất”, “Alma là khoản đầu tư tốt nhất tại Việt Nam” là vi phạm về “Hành vi cấm trong hoạt động quảng cáo”.

Ông Nguyễn Minh C và ông Đặng Ngọc T lừa dối Người tiêu dùng, cụ thể :

Thông tin dự án Alma tọa lạc tại Thành phố N, dự án A bên bờ biển N, ở trong phòng có thể nhìn ra vịnh N nhưng thực chất dự án A tại huyện C

Thông tin ông I David Ahouvi là tỷ phú nhưng không có tài liệu chứng minh ông này là tỷ phú như quy định khoản 9 Điều 8 Luật Quảng cáo.

Thông tin ông Igal David A2 là chủ đầu tư Alma nhưng thực chất Công ty TNHH K mới là chủ đầu tư dự án trái quy định Luật Đầu tư 2005 và Luật Xây dựng quy định về khái niệm "Chủ đầu tư".

Dự án Alma "được đầu tư" là 300 triệu đô la Mỹ, nhưng "*Vốn đầu tư thực hiện dự án: 480 tỷ đồng*".

Sử dụng “Tạp chí Alma” làm tài liệu bán hàng nhưng thực chất đây chỉ là các cuốn sách.

Người tiêu dùng bị nhầm lẫn, cụ thể :

Giới thiệu Dự án Alma tọa lạc tại Thành phố N nhưng thực tế ở huyện C.

Giới thiệu ông Igal David A2 là tỷ phú nhưng không có chứng cứ chứng

minh ông này là tỷ phú theo quy định khoản 9 Điều 8 Luật Quảng cáo.

Giới thiệu ông Igal David A2 là chủ đầu tư dự án nhưng thực chất Công ty TNHH K mới là chủ đầu tư dự án.

Giới thiệu dự án A "đang được được đầu tư" là 300 triệu đô la Mỹ nhưng "*Vốn đầu tư thực hiện dự án: 486 tỷ đồng*".

Sử dụng "Tập chí Alma" làm tài liệu bán hàng nhưng đây chỉ là cuốn sách và trình bày giống với Tập chí.

Giới thiệu Căn hộ chỉ thiết kế có 1 giường ngủ đôi dành cho 2 người nhưng nhân viên che dấu và giới thiệu khách được nghỉ cho 5 người ở trong điều kiện ngủ nhồi nhét tại giường gấp, ghế số pha không thể đạt tiêu chuẩn 5 sao của khách sạn.

Người ký giấy "Xác nhận đặt chỗ" không có thẩm quyền đại diện giao kết: Tại buổi hội thảo, nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện - Công ty là người giới thiệu, cung cấp các thông tin cho khách hàng và trực tiếp đứng ra ký kết giao kết giấy "Xác nhận đặt chỗ" và đóng dấu treo nhưng không kèm theo giấy ủy quyền hoặc văn bản chứng minh việc đại diện và nhân danh cho Công ty.

Về số tiền bà L đã chuyển cho Nguyễn Minh C và Đặng Ngọc T: Giao dịch Xác nhận đặt chỗ số BCS-HCM-015431 ngày 03/3/2019, tại buổi hội thảo, bà L đã chuyển 1.000.000 đồng (sau đó nhân viên giao Phiếu thu SB0019584 ngày 03/3/2019), chuyển 65.262.500 đồng (sau đó nhân viên giao Phiếu thu SB0019586 ngày 03/3/2019). Tổng số tiền đã chuyển là 66.262.500 đồng.

Bà L nhận thấy, ông Nguyễn Minh C và Đặng Ngọc T đã vi phạm nguyên tắc trong giao dịch dân sự, theo đó: mọi chủ thể (Cá nhân, pháp nhân) phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực được quy định tại Khoản 3 Điều 3 Bộ Luật Dân sự 2015 và vi phạm nghiêm trọng quy định Luật Bảo vệ người tiêu dùng.

Do đó, bà L đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết:

Chấm dứt thực hiện "Xác nhận đặt chỗ" số BCS-HCM-015431 ngày 03/3/2019 do nhân viên Đặng Ngọc T và Nguyễn Minh C thực hiện công việc không có ủy quyền.

Yêu cầu về việc tuyên bố giao dịch vô hiệu, bản "Xác nhận đặt chỗ" số BCS-HCM- 015431 ngày 03/3/2019 là vô hiệu toàn bộ do "trong quá trình giao dịch, ngay trước thời điểm người tiêu dùng ký các văn bản giao dịch (Xác nhận đặt chỗ)" thì Người tiêu dùng đã bị Công ty L3, Người tiêu dùng bị nhầm lẫn, có việc trái quy định và điều cấm của Luật.

Buộc ông Đặng Ngọc T và ông Nguyễn Minh C cùng liên đới hoàn trả lại số tiền 66.262.500 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH K cùng có trách nhiệm liên đới với ông T và ông C hoàn trả lại số tiền 66.262.500 đồng cho bà L vì Công ty TNHH K đang giữ số tiền này.

Bị đơn ông Đặng Ngọc T (có bà H làm đại diện) trình bày:

Ông Đặng Ngọc T chính thức là nhân viên Công ty TNHH K - mã số thuế: 4201550314, trụ sở: Khu Nghi dưỡng A, lô D7a2, TT4X6, Khu D, Xã C, Huyện C, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) – kể từ ngày 21/9/2016 đến nay theo các Hợp đồng Lao động, sửa đổi, bổ sung bởi các Phụ lục Hợp đồng Lao động cụ thể như sau:

1. Hợp đồng Lao động số ASG160238/2016/HĐLĐTH/1 từ ngày 21/9/2016 đến hết ngày 20/9/2017, chức vụ: Nhân viên đại diện kinh doanh bộ phận kinh doanh.

2. Phụ lục Hợp đồng Lao động số PL01/ ASG160238/2016/HĐLĐTH/1 từ ngày 1/7/2017 đến hết ngày 20/9/2017, chức vụ: Quản lý kinh doanh bộ phận kinh doanh.

3. Phụ lục Hợp đồng Lao động số PL02/ ASG160238/2016/HĐLĐTH/1 từ ngày 17/9/2017 đến hết ngày 20/09/2018, chức vụ: Quản lý kinh doanh bộ phận kinh doanh.

4. Phụ lục Hợp đồng Lao động số PL03/ ASG160238/2016/HĐLĐTH/1t từ ngày 1/9/2017 đến hết ngày 20/9/2018, chức vụ: Quản lý kinh doanh bộ phận kinh doanh.

5. Hợp đồng Lao động số ASG160238/2016/HĐLĐTH/2 từ ngày 17/9/2018 đến hết ngày 16/9/2019, chức vụ: Quản lý kinh doanh bộ phận kinh doanh.

6. Phụ lục Hợp đồng Lao động số PL01/ ASG160238/2016/HĐLĐTH/2 từ ngày 13/09/2019 đến hết ngày 12/09/2020, chức vụ: Quản lý kinh doanh bộ phận kinh doanh.

Trong quá trình công tác, ông T đảm nhiệm các công việc, trách nhiệm như sau:

Với vị trí Đại diện Kinh doanh, ông T được giao nhiệm vụ tham gia vào quá trình bán hàng ở giai đoạn giới thiệu, tư vấn các sản phẩm, dịch vụ của Công ty, thay mặt Công ty thu tiền của khách hàng và nộp về Công ty.

Với vị trí Quản lý Kinh doanh, ông T được giao nhiệm vụ phát triển, dẫn dắt, hỗ trợ, quản lý nhóm bán hàng tối đa 10 người (tùy từng thời điểm) để đạt kết quả

kinh doanh tối ưu; đàm phán Hợp đồng với Khách hàng, thống nhất các nội dung về giá dịch vụ, tuần nghỉ... để đưa vào Hợp đồng, ký các văn bản phục vụ quá trình đàm phán, thống nhất để ký kết Hợp đồng với Khách hàng (không bao gồm việc ký Hợp đồng Sở hữu kỳ nghỉ với khách hàng). Sau mỗi lần tư vấn, ký Hợp đồng với khách hàng thành công, ông T có nhiệm vụ báo cáo về Công ty và bàn giao Hợp đồng để cấp có thẩm quyền ký kết, trên cơ sở đó, Công ty sẽ bàn giao Hợp đồng cho khách hàng; thay mặt Công ty thu tiền của khách hàng và nộp về Công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm được Công ty G1 trên đây, ngày 3/3/2019, tại buổi giới thiệu dịch vụ, sản phẩm của Công ty T2 ở địa chỉ Tầng B, 30 Tòa nhà L, số I - A T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi nhân viên của mình là Nguyễn Minh C giới thiệu, tư vấn các sản phẩm, dịch vụ của Công ty cho khách hàng Võ Thị Thúy L. Nhận thấy khách hàng muốn quan tâm hơn về sản phẩm, dịch vụ và phát sinh nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty, ông T đã tham gia cùng ông Nguyễn Minh C để tư vấn tới khách hàng kỹ hơn về sản phẩm, dịch vụ cung cấp tới khách hàng bằng giá tương ứng với từng loại tuần nghỉ dưỡng, từng căn hộ nghỉ dưỡng cũng như các chính sách đặc biệt tại sự kiện trong ngày hôm đó để khách hàng nghiên cứu và quyết định và các nội dung thống nhất được ghi nhận tại bản Xác nhận đặt chỗ số BCS – HCM – 015431 ngày 3/3/2019 (“Xác nhận Đặt chỗ”) làm cơ sở để ký kết Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ. Bản xác nhận đặt chỗ đó có chữ ký xác nhận của khách hàng và chữ ký của ông T với vai trò Quản lý kinh doanh đại diện cho Công ty xác nhận với khách hàng. Sau khi khách hàng quyết định ký kết Hợp đồng với Công ty, nhân viên hành chính bán hàng của Công ty sẽ mang tới khách hàng bộ Hợp đồng của Công ty để khách hàng đọc, nghiên cứu và ký kết Hợp đồng Sở hữu Kỳ nghỉ số PBRC-S-072224. Hợp đồng sau khi được khách hàng đọc, nghiên cứu và ký kết trên cơ sở ghi nhận các nội dung đã được xác nhận tại Xác nhận đặt chỗ vào Hợp đồng và sẽ được nhân viên Công ty nhận lại và chuyển về để người có thẩm quyền của Công ty ký kết, đóng dấu.

Tại Xác nhận đặt chỗ và tại Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ với khách hàng Võ Thị Thúy L (Nguyên đơn), các bên đã đồng ý tự nguyện giao kết Hợp đồng để cung cấp gói sản phẩm, dịch vụ nghỉ dưỡng theo các thông tin cụ thể như sau:

1. Tên Khách nghỉ dưỡng: Võ Thị Thúy Lâm
2. Số điện thoại: 0913.856.799
3. Địa chỉ: 75/39/2A đường 48, Kha Vạn Cân, Thủ Đức
4. CMND số: 022268388

5. Loại Căn hộ Nghi dưỡng: A
6. Tuần nghỉ dưỡng số: 44
7. Số Hợp đồng: PBRC-S-072224
8. Giá trị Hợp đồng: 441.750.000 VNĐ
9. Đặt chỗ tại sự kiện: 1.000.000 VNĐ
10. Tiến độ thanh toán tiền đặt cọc:

Ngày 3/3/2019 đặt cọc 15% giá trị hợp đồng là: 66.262.500 VNĐ, trong đó đã đặt chỗ 1.000.000 VNĐ, còn thiếu 65.262.500 VNĐ nhân viên Công ty hỗ trợ về thu đủ (được thống nhất và ghi nhận luôn tại Xác nhận đặt chỗ)

Ngày 25/3/2019, đặt cọc 15% giá trị hợp đồng là: 66.262.500 VNĐ

Khoản tiền 50% tương ứng với 220.875.000 VNĐ có thể vay vốn Ngân hàng thương mại cổ phần H3 (M) lãi suất 0% trong 24 tháng – việc vay được hay không sẽ do MSB tư vấn, hoặc, khách hàng thanh toán trực tiếp và chia làm 02 lần như sau: 5/6/2019 thanh toán: 88.350.000VNĐ và 5/9/2019 thanh toán 132.525.000 VNĐ.

Hợp đồng Sở hữu Kỳ nghỉ số PBRC-S-072224 sau khi đã được Nguyên đơn đọc, tự nguyện ký và giao dịch đã được chuyển ngay về Công ty để người có thẩm quyền ký kết Hợp đồng là ông Lê Hữu B – Trưởng phòng tài chính Văn phòng Thành phố H ký kết, đóng dấu và giao lại cho khách hàng.

Thực hiện Xác nhận Đặt chỗ và Hợp đồng nêu trên, ngay tại buổi giới thiệu dịch vụ, sản phẩm của Công ty ngày 3/3/2019, Nguyên đơn đã đặt cọc trước cho Công ty số tiền 1.000.000 đồng và đã được ông T, ông C đại diện Công ty giao Nguyên đơn phiếu thu số: 0019584 ngày 3/3/2019 do Công ty phát hành. Do nguyên đơn không mang đủ tiền để hoàn thành thanh toán 15% tổng giá trị Hợp đồng (66.262.500 đồng) như đã thỏa thuận tại Xác nhận Đặt chỗ, để hỗ trợ Nguyên đơn giảm công sức và thời gian đi lại và được sự đồng ý của Nguyên đơn, nhân viên Kinh doanh của Công ty là Nguyễn Minh C đã đi cùng Nguyên đơn đến quán café gần nhà Nguyên đơn, chờ Nguyên đơn lấy số tiền 65.262.500 đồng để thanh toán cho Hợp đồng, rồi nộp về Công ty. Sau khi nhận số tiền trên, Nguyễn Minh C đã giao Nguyên đơn phiếu thu số: 0019586 ngày 3/3/2019 do Công ty phát hành. Toàn bộ khoản tiền 66.262.500 đồng mà Nguyên đơn đã thanh toán cho Hợp đồng đã được Nguyễn Minh C nộp về Công ty và được Công ty ghi nhận tại các phiếu thu số 0019584, 0019586 như đã trình bày ở trên và sau đó cũng đã được Công ty xuất các hóa đơn tài chính số 0001068 và 0001067 cũng trong ngày 3/3/2019.

Sau khi ký Hợp đồng, ông T được nhân viên báo cáo Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng vì lý do cá nhân không đủ khả năng tài chính, ông T đã báo cáo lại điều này với lãnh đạo Công ty. Tuy nhiên, do yêu cầu của Nguyên đơn không đủ cơ sở, Công ty không đồng ý hủy hợp đồng.

Sau đó, nguyên đơn đã khởi kiện ông T ra Tòa án yêu cầu tuyên bố chấm dứt Xác nhận Đặt chỗ số BCS-HCM-015431 ngày 3/3/2019, tuyên bố giao dịch vô hiệu đối với phiếu đặt chỗ ngày 3/3/2019 do lừa dối, nhầm lẫn và trái quy định pháp luật; buộc bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền là 66.262.500 đồng.

Có thể thấy, trong toàn bộ quá trình tư vấn, bán hàng cho Nguyên đơn, ông T đã thực hiện công việc theo đúng vai trò, nhiệm vụ của mình tại Công ty, đảm nhận trách nhiệm do Công ty G1. Toàn bộ các thông tin ông T tư vấn, đàm phán với Khách hàng đã được Công ty ghi nhận tại Hợp đồng, tôn trọng và thực hiện, ông T không hề giữ lại Hợp đồng hay giữ lại bất kỳ khoản tiền nào đã thu từ khách hàng. Toàn bộ số tiền 66.262.500 đồng mà Nguyên đơn đã thanh toán theo Xác nhận Đặt chỗ, Hợp đồng không phải do ông T trực tiếp thu nhưng cũng đã được ông T chỉ đạo, giám sát nhân viên của mình để nộp đầy đủ về Công ty, ông T không tự mình giữ và cũng không cho phép bất kỳ cá nhân nào giữ tiền của khách hàng và chiếm dụng riêng. Như vậy, ông T không hề có bất kỳ hành vi lừa dối, khiến cho nguyên đơn nhầm lẫn hay thực hiện bất kỳ hành vi nào trái quy định pháp luật khi ký Hợp đồng như nguyên đơn đã nêu. Trường hợp nguyên đơn có thắc mắc với Công ty hay nội dung Hợp đồng, thiết nghĩ Nguyên đơn nên làm việc, đàm phán trực tiếp với Công ty liên quan tới Hợp đồng trên.

Vì các lý lẽ trên, ông T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bởi ông T nhận thấy các căn cứ để nguyên đơn đưa ra các yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở pháp lý, xác định sai đối tượng bị kiện. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Minh C (có bà H làm đại diện) trình bày:

Ông Nguyễn Minh C chính thức là nhân viên Đại diện Kinh doanh của Công ty TNHH K - mã số thuế: 4201550314, trụ sở: Khu Nghỉ dưỡng A, lô D7a2, TT4X6, Khu D, Xã C, Huyện C, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) - kể từ ngày 6/12/2018 đến hết ngày 15/3/2019 theo Hợp đồng Lao động số ASG181396/2018/HĐLĐTH/1 ngày 6/12/2018.

Trong quá trình công tác, với vị trí Đại diện Kinh doanh, ông C được giao nhiệm vụ tham gia vào quá trình bán hàng ở giai đoạn giới thiệu, tư vấn các sản phẩm, dịch vụ của Công ty, thay mặt Công ty thu tiền của khách hàng và nộp về Công ty.

Thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm được Công ty G1 trên đây, ngày 3/3/2019, tại buổi giới thiệu dịch vụ, sản phẩm của Công ty T2 ở địa chỉ Tầng B, 30 Tòa nhà L, số I - A T, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, ông C giới thiệu, tư vấn các sản phẩm, dịch vụ của Công ty cho khách hàng Võ Thị Thúy L (Nguyên đơn). Nhận thấy khách hàng quan tâm về sản phẩm, dịch vụ và phát sinh nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của Công ty, ông C đã mời quản lý cấp trên trực tiếp là ông Đặng Ngọc T (chức vụ: Quản lý Kinh doanh) tiếp tục tư vấn tới khách hàng kỹ hơn về bảng giá tương ứng với từng loại tuần nghỉ dưỡng, từng căn hộ nghỉ dưỡng cũng như các chính sách đặc biệt tại sự kiện trong ngày hôm đó để khách hàng nghiên cứu và quyết định và các nội dung thống nhất được ghi nhận tại bản Xác nhận đặt chỗ số BCS – HCM – 015431 ngày 3/3/2019 (“Xác nhận Đặt chỗ”) làm cơ sở để ký kết Hợp đồng Sở hữu Kỳ nghỉ. Bản xác nhận đặt chỗ đó có chữ ký của khách hàng ghi nhận về việc đã được tư vấn và chữ ký của ông Đặng Ngọc T với vai trò Quản lý kinh doanh đại diện cho Công ty xác nhận với khách hàng về các nội dung đã tư vấn, đàm phán, đồng thời có ghi nhận tên của tôi ở phần Rep (Đại diện kinh doanh). Sau khi khách hàng quyết định ký kết Hợp đồng với Công ty, nhân viên hành chính bán hàng của Công ty sẽ mang tới khách hàng bộ Hợp đồng của Công ty để khách hàng đọc, nghiên cứu và ký kết Hợp đồng Sở hữu Kỳ nghỉ số PBRC-S-072224. Sau khi được khách hàng đọc, nghiên cứu và ký kết trên cơ sở ghi nhận các nội dung đã được xác nhận tại Xác nhận đặt chỗ, Hợp đồng sẽ được nhân viên Công ty nhận lại và chuyển về để người có thẩm quyền của Công ty ký kết, đóng dấu.

Tại Xác nhận Đặt chỗ và tại Hợp đồng Sở hữu Kỳ nghỉ mà ông C, ông T đã tư vấn để Nguyên đơn ký kết, các bên đã đồng ý tự nguyện giao kết Hợp đồng để cung cấp gói sản phẩm, dịch vụ nghỉ dưỡng theo các thông tin cụ thể như sau:

1. Tên Khách nghỉ dưỡng: Võ Thị Thúy Lâm
2. Số điện thoại: 0913.856.799
3. Địa chỉ: 75/39/2A đường 48, Kha Vạn Cân, Thủ Đức
4. CMND số: 022268388
5. Loại Căn hộ Nghỉ dưỡng: A
6. Tuần nghỉ dưỡng số: 44
7. Số Hợp đồng: PBRC-S-072224
8. Giá trị Hợp đồng: 441.750.000 VNĐ
9. Đặt chỗ tại sự kiện: 1.000.000 VNĐ
10. Tiến độ thanh toán tiền đặt cọc:

Ngày 3/3/2019 đặt cọc 15% giá trị hợp đồng là: 66.262.500 VNĐ, trong đó đã đặt chỗ 1.000.000 VNĐ, còn thiếu 65.262.500 VNĐ nhân viên Công ty hỗ trợ về thu đủ (được thống nhất và ghi nhận luôn tại Xác nhận đặt chỗ)

Ngày 25/3/2019, đặt cọc 15% giá trị hợp đồng là: 66.262.500 VNĐ

Khoản tiền 50% tương ứng với 220.875.000 VNĐ có thể vay vốn Ngân hàng thương mại cổ phần H3 (M) lãi suất 0% trong 24 tháng – việc vay được hay không sẽ do MSB tư vấn, hoặc, khách hàng thanh toán trực tiếp và chia làm 02 lần như sau: 5/6/2019 thanh toán: 88.350.000 VNĐ và 5/9/2019 thanh toán 132.525.000 VNĐ

Hợp đồng Sở hữu Kỳ nghỉ số PBRC-S-072224 sau khi đã được Nguyên đơn đọc, tự nguyện ký và giao dịch đã được chuyển ngay về Công ty để người có thẩm quyền ký kết Hợp đồng là ông Lê Hữu B – Trưởng phòng tài chính Văn phòng Thành phố H ký kết, đóng dấu và giao lại cho khách hàng.

Thực hiện Xác nhận Đặt chỗ và Hợp đồng nêu trên, ngay tại buổi giới thiệu dịch vụ, sản phẩm của Công ty ngày 3/3/2019, Nguyên đơn đã đặt cọc trước cho Công ty số tiền 1.000.000 đồng và đã được ông C, ông T đại diện Công ty giao Nguyên đơn phiếu thu số: 0019584 ngày 3/3/2019 do Công ty phát hành. Do Nguyên đơn không mang đủ tiền để hoàn thành thanh toán 15% tổng giá trị Hợp đồng (66.262.500 đồng) như đã thỏa thuận tại Xác nhận Đặt chỗ, để hỗ trợ Nguyên đơn giảm công sức và thời gian đi lại và được sự đồng ý của Nguyên đơn, ông C đã đi cùng Nguyên đơn đến quán café gần nhà Nguyên đơn, chờ Nguyên đơn lấy số tiền 65.262.500 đồng để thanh toán cho Hợp đồng, rồi nộp về Công ty. Sau khi nhận số tiền trên, ông C đã giao Nguyên đơn phiếu thu số: 0019586 ngày 3/3/2019 do Công ty phát hành. Toàn bộ khoản tiền 66.262.500 đồng mà Nguyên đơn đã thanh toán cho Hợp đồng đã được Nguyễn Minh C nộp về Công ty và được Công ty ghi nhận tại các phiếu thu số 0019584, 0019586 như đã trình bày ở trên và sau đó cũng đã được Công ty xuất các hóa đơn tài chính số 0001068 và 0001067 cũng trong ngày 3/3/2019.

Sau khi ký Hợp đồng, ông C được nhận được thông tin Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng vì lý do cá nhân không đủ khả năng tài chính, ông C đã báo cáo lại điều này với ông T là quản lý trực tiếp của mình. Tuy nhiên, do yêu cầu của Nguyên đơn không đủ cơ sở, Công ty không đồng ý hủy hợp đồng.

Sau đó, Nguyên đơn đã khởi kiện ông C ra Tòa án yêu cầu tuyên bố chấm dứt Xác nhận Đặt chỗ số BCS-HCM-015431 ngày 3/3/2019, tuyên bố giao dịch vô hiệu đối với phiếu đặt chỗ ngày 3/3/2019 do lừa dối, nhằm lẫn và trái quy định pháp luật; buộc bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền là 66.262.500 đồng.

Có thể thấy, trong toàn bộ quá trình tư vấn, bán hàng cho Nguyên đơn, ông C đã thực hiện công việc theo đúng vai trò, nhiệm vụ của mình tại Công ty, đảm nhận trách nhiệm do Công ty G1. Toàn bộ các thông tin ông C tư vấn với Khách hàng đã được Công ty ghi nhận tại Hợp đồng, tôn trọng và thực hiện, ông C không hề giữ lại Hợp đồng hay giữ lại bất kỳ khoản tiền nào đã thu từ khách hàng. Toàn bộ số tiền 66.262.500 đồng mà Nguyên đơn đã thanh toán theo Xác nhận Đặt chỗ, ông C đã nộp đầy đủ về Công ty, không tự mình giữ tiền của khách hàng và chiếm dụng riêng. Như vậy, ông C không hề có bất kỳ hành vi lừa dối, khiến cho Nguyên đơn nhầm lẫn hay thực hiện bất kỳ hành vi nào trái quy định pháp luật khi ký Hợp đồng như Nguyên đơn đã nêu. Trường hợp Nguyên đơn có thắc mắc với Công ty hay nội dung Hợp đồng, thiết nghĩ Nguyên đơn nên làm việc, đàm phán trực tiếp với Công ty liên quan tới Hợp đồng trên.

Vì các lý lẽ trên, ông C không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bởi ông C nhận thấy các căn cứ để nguyên đơn đưa ra các yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở pháp lý, xác định sai đối tượng bị kiện. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thống nhất với lời trình bày và đề nghị của đại diện bị đơn

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty TNHH K trình bày:

Công ty K đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 371022000419 lần đầu ngày 5/2/2013, thay đổi lần thứ ba ngày 27/01/2015, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – mã số doanh nghiệp: 4201550314 đăng ký lần đầu ngày 05/02/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/11/2019 tại Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K để đầu tư, thực hiện Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp có tên là “Alma” (“Khu Nghỉ dưỡng” hoặc “Dự án Alma”) tại các lô đất số D7a2, TT4, X6 thuộc Khu D Bán Đảo C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam và thực hiện các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Công ty đã và đang triển khai mô hình chia sẻ quyền nghỉ dưỡng (“Quyền Sở hữu kỳ nghỉ”) cho các khách hàng của Công ty. Theo mô hình này, hàng năm, một người được sử dụng quyền nghỉ dưỡng hàng năm tại một địa điểm trong một khoảng thời gian tại một thời điểm nhất định (tuần nghỉ dưỡng). Để xác lập quyền nghỉ dưỡng, khách nghỉ dưỡng và doanh nghiệp ký kết một hợp đồng, gọi là “Hợp đồng Sở hữu kỳ nghỉ”, trong đó, ấn định thời hạn và thời điểm nhất định khách hàng sẽ sử dụng quyền nghỉ dưỡng của mình. Thông qua hợp đồng này, Công ty bán quyền nghỉ dưỡng và khách hàng mua quyền nghỉ dưỡng. Khoản tiền mà

khách nghỉ dưỡng đã trả để mua quyền nghỉ dưỡng là cơ sở để khách hàng được hưởng quyền nghỉ dưỡng hàng năm đó, đồng thời hàng năm khách nghỉ dưỡng sẽ nộp thêm một khoản phí duy trì/quản lý cơ sở nghỉ dưỡng tùy thuộc vào hiện trạng hoạt động của khu nghỉ dưỡng theo từng năm; thời hạn sử dụng quyền nghỉ dưỡng được xác định phù hợp với thời hạn hoạt động của dự án nghỉ dưỡng (đến năm 2054).

Để giới thiệu mô hình sở hữu kỳ nghỉ mà Công ty đang kinh doanh, Công ty đã mời một số Khách hàng, trong đó có Nguyễn đơn, tham dự buổi giới thiệu về mô hình này do Công ty tổ chức. Khi mời tham gia sự kiện, nhân viên của Công ty đã nói rõ về nội dung của buổi sự kiện: thời gian, cách thức tham dự sự kiện, các quà tặng đi kèm... Sau khi được thông báo về thông tin sự kiện, khách mời có quyền cân nhắc để quyết định tham gia hoặc không tham gia. Trong trường hợp này, Nguyễn đơn đã đồng ý tham gia sự kiện do Công ty tổ chức.

Về quan hệ lao động giữa Công ty và ông Nguyễn Minh C, ông Nguyễn Minh C sinh ngày 12/11/1996, mang CMND số 321584578 do Công an B1 cấp ngày 8/3/2017 (“ông C”) chính thức là Nhân viên Đại diện Kinh doanh thuộc Bộ phận Kinh doanh của Công ty kể từ ngày 6/12/2018 đến hết ngày 15/3/2019 theo Hợp đồng Lao động số ASG181396/2018/HĐLĐTH/1 ngày 6/12/2018. Ngày 15/3/2019, theo Đơn xin nghỉ việc của ông C, Công ty và ông C đã lập Biên bản Thanh lý Hợp đồng Lao động số 20190315_01/TLHĐ. Sau đó, Công ty đã ban hành Quyết định Chấm dứt Hợp đồng Lao động số 20190315_01/QĐ cùng ngày 15/3/2019, chính thức chấm dứt Hợp đồng Lao động với ông C kể từ ngày 16/3/2019.

Trong quá trình công tác, với vị trí Đại diện Kinh doanh, ông C được giao nhiệm vụ tham gia vào quá trình bán hàng ở giai đoạn giới thiệu, tư vấn các sản phẩm, dịch vụ của Công ty, thay mặt Công ty thu tiền của khách hàng và nộp về Công ty.

Về quan hệ lao động giữa Công ty và ông Đặng Ngọc T, ông Đặng Ngọc T sinh ngày 5/12/1991, mang CMND số 272162924 do Công an Đ1 cấp ngày 12/2/2018 (“ông T”) chính thức là nhân viên Công ty kể từ ngày 21/9/2016 đến nay theo hợp đồng lao động và các Phụ lục hợp đồng lao động áp dụng trong từng thời kỳ cụ thể như sau:

1. Hợp đồng Lao động số ASG160238/2016/HĐLĐTH/1 ngày 21/9/2016 đến hết ngày 20/9/2017 - Nhân viên Đại diện Kinh doanh.

2. Phụ lục Hợp đồng Lao động số PL01/ASG160238/2016/HĐLĐTH/1 từ

ngày 1/7/2017 đến hết ngày 20/9/2017 - Quản lý Kinh doanh Kinh.

3. Phụ lục Hợp đồng Lao động số PL02/ ASG160238/2016/HĐLĐTH/1 từ ngày 17/9/2017 đến hết ngày 20/09/2018 - Quản lý Kinh doanh.

4. Phụ lục Hợp đồng Lao động số PL03/ ASG160238/2016/HĐLĐTH/1 từ ngày 1/9/2017 đến hết ngày 20/9/2018 - Quản lý Kinh doanh.

5. Hợp đồng Lao động số ASG160238/2016/HĐLĐTH/2 từ ngày 17/9/2018 đến hết ngày 16/9/2019 - Quản lý Kinh doanh.

6. Phụ lục Hợp đồng Lao động số PL01/ ASG160238/2016/HĐLĐTH/2 từ ngày 13/09/2019 đến hết ngày 12/09/2020 - Quản lý Kinh doanh.

Trong thời gian đảm nhận vị trí Quản lý Kinh doanh, ông T được giao nhiệm vụ phát triển, dẫn dắt, hỗ trợ, quản lý nhóm bán hàng tối đa 10 người (tùy từng thời điểm) để đạt kết quả kinh doanh tối ưu; đàm phán Hợp đồng với Khách hàng, thống nhất các nội dung về giá dịch vụ, tuần nghỉ... để đưa vào Hợp đồng, ký các văn bản phục vụ quá trình đàm phán, thống nhất để ký kết Hợp đồng với Khách hàng (không bao gồm việc ký Hợp đồng Sở hữu kỳ nghỉ với khách hàng). Sau mỗi lần tư vấn, ký Hợp đồng với khách hàng thành công, ông T có nhiệm vụ báo cáo về Công ty và bàn giao Hợp đồng để cấp có thẩm quyền ký kết, trên cơ sở đó, Công ty sẽ bàn giao Hợp đồng cho khách hàng; thay mặt Công ty thu tiền của khách hàng và nộp về Công ty.

Về Xác nhận Đặt chỗ số BCS-HCM-015431 ngày 3/3/2019 (“Xác nhận Đặt chỗ”) và Hợp đồng Sở hữu Kỳ nghỉ số PBRC-S-072224 ngày 3/3/2019 (“Hợp đồng” hoặc “Hợp đồng Sở hữu Kỳ nghỉ”) ký giữa đại diện Công ty và Nguyên đơn, ngày 3/3/2019, nhận lời mời của Công ty, Nguyên đơn đã tham dự sự kiện do Công ty T2 tại: Tầng C tòa nhà L, 9 - A T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại buổi sự kiện, Công ty đã giới thiệu về mô hình Sở hữu kỳ nghỉ thông qua trình chiếu video và qua các thông tin do người dẫn chương trình của sự kiện thuyết trình; nhân viên Công ty cũng đã trực tiếp giới thiệu về lịch sử phát triển của mô hình này trên thế giới, về đặc điểm của mô hình và các lợi ích khi khách mời sử dụng mô hình nghỉ dưỡng này, về Dự án của Công ty và mô hình công ty đang triển khai tại Việt Nam, ghi nhận những chia sẻ và trả lời thắc mắc của các khách mời nói chung, trong đó có Nguyên đơn.

Sau khi giới thiệu tổng quát, đối với những khách mời có quan tâm và muốn tìm hiểu thêm như trường hợp của Nguyên đơn, từng nhân viên của Công ty sẽ giới thiệu chi tiết về sản phẩm, dịch vụ cũng như về nội dung Hợp đồng Sở hữu

kỳ nghỉ và các chính sách ưu đãi (nếu có). Cụ thể với trường hợp của Nguyên đơn, ông C với vai trò là nhân viên Đại diện Kinh doanh được phân công giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ, ông T với vị trí Quản lý Kinh doanh đảm nhận trách nhiệm giới thiệu chi tiết về giá và các chính sách ưu đãi, ông T, ông C và nhân viên hành chính bán hàng sẽ phối hợp giới thiệu, giải đáp các thắc mắc của Nguyên đơn về Xác nhận đặt chỗ và Hợp đồng ngay tại chỗ để đảm bảo Nguyên đơn thực sự hiểu về các nội dung Xác nhận Đặt chỗ, Hợp đồng trước khi ký kết, nhân viên hành chính bán hàng sẽ tiến hành thực hiện các thủ tục ký kết Hợp đồng với Nguyên đơn, nhân viên hành chính này sẽ được chỉ định và phân công là một người bất kỳ trong số các nhân viên có trách nhiệm thực hiện các công việc trên tại buổi sự kiện đó để phối hợp thực hiện các thủ tục với ông T và ông C – tùy thuộc vào việc thời điểm đó nhân viên nào đang chưa tiếp các khách hàng khác. Các nhân viên trên thực hiện công việc theo một nhóm dưới sự phân công của người quản lý Công ty và nhân danh Công ty, chúng tôi cũng không thể xác định cụ thể nhân viên hành chính bán hàng phối hợp với ông T và ông C trong quá trình hoàn thiện các thủ tục Hợp đồng với Nguyên đơn là ai. Công ty H4 rằng Nguyên đơn chỉ ký kết Hợp đồng Sở hữu kỳ nghỉ khi Nguyên đơn đã hiểu rõ nội dung và có nhu cầu sử dụng dịch vụ nghỉ dưỡng. Sau khi Nguyên đơn ký, Hợp đồng đã được chuyển cho ông Lê Hữu B – Trưởng phòng Tài chính Văn phòng Thành phố H, đại diện theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty theo Giấy ủy quyền ngày 25/2/2019 – để ký và đóng dấu.

Thực hiện Xác nhận Đặt chỗ và Hợp đồng nêu trên, ngay tại buổi giới thiệu dịch vụ, sản phẩm của Công ty ngày 3/3/2019, Nguyên đơn đã đặt cọc trước cho Công ty số tiền 1.000.000 đồng và đã được ông C, ông T đại diện Công ty giao Nguyên đơn phiếu thu số: 0019584 ngày 3/3/2019 do Công ty phát hành. Với những trường hợp khách hàng có nhu cầu cần Công ty hỗ trợ thu tiền ngoài Văn phòng để giảm công sức và thời gian đi lại như trường hợp của Nguyên đơn, nhân viên Công ty có thể hỗ trợ đến thu tiền tại nơi mà khách hàng mong muốn nhưng phải có phiếu thu hợp lệ do Công ty phát hành và nộp lại toàn bộ khoản tiền đã thu từ Khách hàng về Công ty để ghi nhận là khoản đặt cọc/thanh toán cho Hợp đồng. Đối với trường hợp của Nguyên đơn, theo nhu cầu của Nguyên đơn, ông C đã đi cùng Nguyên đơn đến quán café gần nhà Nguyên đơn để thu số tiền 65.262.500 đồng là một phần của Khoản Đặt cọc theo Hợp đồng. Sau khi nhận số tiền trên, ông C đã giao Nguyên đơn phiếu thu số: 0019586 ngày 3/3/2019 do Công ty phát hành. Toàn bộ khoản tiền 66.262.500 đồng mà Nguyên đơn đã thanh toán cho Hợp đồng đã được Nguyễn Minh C nộp về Công ty và được Công ty ghi nhận tại các phiếu thu số 0019584, 0019586 như đã trình bày ở trên và sau đó cũng đã được Công ty xuất các hóa đơn tài chính số 0001068 và 0001067 trong

cùng ngày 3/3/2019.

Sau đó, Công ty nhận được thông tin Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng vì lý do cá nhân không đủ khả năng tài chính. Tuy nhiên, do yêu cầu của Nguyên đơn không đủ cơ sở, Công ty không đồng ý hủy hợp đồng.

Tháng 1/2020, Công ty nhận được thông tin Nguyên đơn đã khởi kiện Ông Đặng Ngọc T và Ông Nguyễn Minh C tới TAND Quận 1 yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt Xác nhận Đặt chỗ số BCS-HCM-015431 ngày 3/3/2019, tuyên bố giao dịch vô hiệu đối với phiếu đặt chỗ ngày 3/3/2019 do lừa dối, nhằm lẫn và trái quy định pháp luật; buộc bị đơn liên đới trả cho Nguyên đơn số tiền là 66.262.500 đồng.

Có thể thấy, trong toàn bộ quá trình tư vấn, bán hàng cho Nguyên đơn, ông C và ông T đã thực hiện công việc theo đúng vai trò, nhiệm vụ của mình tại Công ty, đảm nhận trách nhiệm do Công ty G1. Trong phạm vi được phân công, giao quyền bởi Công ty, ông T đã ký Xác nhận Đặt chỗ theo mẫu do Công ty ban hành có đóng dấu treo thật của Công ty. Toàn bộ các thông tin ông C, ông T tư vấn và thống nhất với Khách hàng trong Xác nhận Đặt chỗ đã được Công ty ghi nhận tại Hợp đồng, tôn trọng và thực hiện. Ông C, ông T không hề giữ lại Hợp đồng ký bởi Nguyên đơn mà đã nộp về Công ty để người có thẩm quyền ký, đóng dấu. Ông C, ông T cũng không hề giữ lại bất kỳ khoản tiền nào đã thu từ Nguyên đơn. Toàn bộ số tiền 66.262.500 đồng mà Nguyên đơn đã thanh toán theo Xác nhận Đặt chỗ và Hợp đồng, ông C, ông T thu từ Nguyên đơn theo phiếu thu thật, hợp lệ do Công ty xuất, sau đó đã nộp đầy đủ về Công ty, không tự mình hay cho phép bất kỳ ai khác ngoài Công ty giữ tiền của Nguyên đơn và chiếm dụng riêng. Như vậy, ông C, ông T không hề có bất kỳ hành vi lừa dối, khiến cho Nguyên đơn nhầm lẫn hay thực hiện bất kỳ hành vi nào trái quy định pháp luật khi ký Hợp đồng như Nguyên đơn đã nêu. Trường hợp Nguyên đơn có thắc mắc với Công ty hay nội dung Hợp đồng, thiết nghĩ Nguyên đơn nên làm việc, đàm phán trực tiếp với Công ty liên quan tới Hợp đồng trên.

Ngoài ra, với các nhận định của Nguyên đơn về việc nhân viên Công ty L3, cung cấp thông tin sai sự thật, gây nhầm lẫn cho Nguyên đơn, Công ty cho rằng đây là nhận định sai lệch dựa trên ý chí chủ quan của Nguyên đơn, cụ thể như sau:

(i) Về địa điểm thực hiện Dự án: Nguyên đơn cho rằng Công ty đã lừa dối Khách hàng khi quảng cáo Dự án tọa lạc tại N trong khi địa điểm thực hiện Dự án là thuộc huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Về vấn đề này, Công ty khẳng định Công ty không lừa dối Khách hàng vì thực tế là các tài liệu giao dịch của Hợp đồng đều

ghi rõ địa điểm thực hiện Dự án của Công ty là huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Cụm từ "Alma N" chỉ là tên gọi của Dự án nhằm mục đích để khách hàng dễ dàng nhận biết và phân biệt. Như vậy, không có căn cứ để xác định Công ty đã lừa dối Khách hàng theo như ý kiến của Nguyên đơn.

(ii) Về vai trò của ông Igal David A2: Công ty khẳng định những thông tin Công ty cung cấp tới khách hàng là trung thực. Công ty K là một Công ty TNHH hai thành viên và tại thời điểm này Công ty có hai thành viên góp vốn gồm: (1) Công ty E góp 98.77% vốn điều lệ; (2) Ông Dương Tuấn A3 góp 1.23% vốn điều lệ. Trong đó, Công ty E là một doanh nghiệp được thành lập hợp pháp tại Singapore. Công ty và Công ty E1. Ltd. nằm trong các doanh nghiệp thuộc quyền kiểm soát và sở hữu bởi Ông Igal David A2 và các doanh nghiệp của Ông Igal David A2. Như vậy Ông Igal David A2 là nhà đầu tư của Công ty, thực hiện đầu tư thông qua các Công ty thuộc quyền kiểm soát của Ông Igal David A2.

(iii) Về mức vốn đầu tư vào Dự án: Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 426.809.433.000 đồng. Đây là vốn góp theo cam kết của nhà đầu tư vào dự án phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và các Nhà đầu tư của Dự án đã góp đủ. Mức vốn đầu tư dự tính của Dự án là 300 triệu USD hoặc có thể cao hơn, đó là giá trị ước tính tổng mức vốn đầu tư của toàn bộ Dự án, bao gồm nhưng không giới hạn: tiền thuê đất, chi phí đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành dự án, chi phí quản lý, văn phòng... Tùy theo nhu cầu đầu tư của Dự án tại từng thời điểm, Công ty C1 thêm vốn đầu tư từ các Nhà đầu tư của Dự án, hoặc các tổ chức tín dụng, thể chế tài chính khác theo quy định của pháp luật. PBR khẳng định không lệ thuộc vào việc các thông tin trên đây có chính xác hay không, Quyền Sở hữu kỳ nghỉ của các khách hàng của Công ty N và của Nguyên đơn nói riêng sẽ luôn được đảm bảo và duy trì theo nội dung Hợp đồng đã ký và hoàn toàn không gây ảnh hưởng bất lợi đến Quyền Sở hữu kỳ nghỉ của khách hàng.

(iv) Về cuốn (sách) Alma: Nguyên đơn cho rằng ấn phẩm này không thể được coi là tạp chí mà chỉ là cuốn sách trình bày giống tạp chí. Về vấn đề này, Công ty có ý kiến như sau: Cuốn A1 là một Xuất bản phẩm của Công ty và Công ty đã có đầy đủ giấy phép xuất bản theo quy định của pháp luật. Công ty không đưa ra nội dung gì sai lệch về Dự án trong các xuất bản phẩm này. Thêm nữa trong Hợp đồng cũng không ghi: căn cứ nội dung cuốn A1 để ký Hợp đồng. Do đó, ý kiến của Nguyên đơn về vấn đề này là không chính xác và không có căn cứ để chấp nhận.

(v) Về chất lượng dịch vụ: Hợp đồng đã nêu rõ Căn hộ Nghỉ dưỡng loại A mà Nguyên đơn lựa chọn theo Xác nhận Đặt chỗ và Hợp đồng dành cho tối đa 5

người, Công ty cũng đã có bản mô tả chi tiết căn hộ trong đó mô tả sơ bộ về bố trí nội thất căn hộ để khách hàng dễ hình dung và cân nhắc trước khi ký Hợp đồng. Thêm nữa, yêu cầu này của Nguyên đơn không thuộc phạm vi giải quyết của Vụ án này vì Nguyên đơn hiện đang yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ do vô hiệu vì Nguyên đơn bị lừa dối, nhầm lẫn và nội dung hợp đồng vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn.

Vì các lý lẽ trên, Công ty không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bởi Công ty nhận thấy các căn cứ để nguyên đơn đưa ra các yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở pháp lý, xác định sai đối tượng bị kiện. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH K trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Trong vụ án này, mặc dù Nguyên đơn khởi kiện các bị đơn là người lao động cũ của Công ty, không khởi kiện Công ty K, tuy nhiên Nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án hủy Xác nhận đặt chỗ - là một trong các tài liệu mà Công ty là một bên chủ thể ký kết và yêu cầu Công ty cùng với các bị đơn liên đới hoàn trả lại khoản tiền 66.262.000 đồng mà Nguyên đơn đã đặt cọc cho Công ty nên Công ty nêu quan điểm phản bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cụ thể như sau:

Đối với ý kiến của Nguyên đơn cho rằng “Quá trình giao dịch trái quy định và vi phạm hành vi cấm của Luật”, các Bị đơn lừa dối Nguyên đơn (Người tiêu dùng), Nguyên đơn đã nhầm lẫn:

- Công ty K tại đây khẳng định các bị đơn là anh Đặng Ngọc T và anh Nguyễn Minh C đã thực hiện công việc theo đúng vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm do Công ty G1 theo quy định tại Hợp đồng lao động và các tài liệu liên quan đến quan hệ lao động đã được ký kết với Công ty.

- Quá trình giao dịch, các bị đơn và Công ty không vi phạm các quy định của Luật quảng cáo như ý kiến nại ra của Nguyên đơn. Tại buổi sự kiện giới thiệu về sản phẩm kỳ nghỉ của Công ty, anh T và anh C đã thay mặt Công ty tư vấn cho Nguyên đơn cũng như các khách hàng khác về sản phẩm kỳ nghỉ của Công ty theo đúng với thông tin Dự án.

- Thông tin về tổng mức vốn đầu tư của Dự án là 300 triệu USD được hiểu là tổng mức vốn đầu tư dự kiến của dự án. Tùy theo nhu cầu đầu tư của Dự án tại từng thời điểm, Công ty C1 thêm vốn đầu tư từ các Nhà đầu tư của Dự án, hoặc

các tổ chức tín dụng, thể chế tài chính khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thực hiện Dự án.

- Tính đến thời điểm này, vốn điều lệ của Dự án là 800 tỷ đồng Việt Nam và Dự án đã đi vào hoạt động trên thực tế từ ngày 29/12/2019 và đã có hàng nghìn lượt khách hàng trong số hơn 20.000 Khách hàng của Công ty đã thực hiện quyền nghỉ dưỡng tại Khu Nghỉ dưỡng của Công ty.

- Về vai trò của ông Igal David A2: Công ty khẳng định những thông tin mà các Bị đơn thay mặt Công ty cung cấp tới khách hàng là trung thực. Công ty K là một Công ty TNHH hai thành viên, với hai thành viên góp vốn gồm: (1) Công ty E góp 99.34% vốn điều lệ; (2) Ông Dương Tuấn A3 góp 0,066% vốn điều lệ. Trong đó, Công ty E là một doanh nghiệp được thành lập hợp pháp tại Singapore. Công ty và Công ty E1. Ltd. nằm trong chuỗi các doanh nghiệp thuộc quyền kiểm soát và sở hữu bởi Ông Igal David A2 và các doanh nghiệp của Ông Igal David A2. Như vậy Ông Igal David A2 là nhà đầu tư của Công ty, thực hiện đầu tư thông qua các Công ty thuộc quyền kiểm soát của Ông Igal David A2.

- Về địa điểm thực hiện Dự án: các tài liệu giao dịch của Hợp đồng đều ghi rõ địa điểm thực hiện Dự án của Công ty là huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Cụm từ "Alma N" chỉ là tên gọi của Dự án nhằm mục đích để khách hàng dễ dàng nhận biết và phân biệt.

- Cuốn A1 là xuất bản phẩm của Công ty và không phải là tài liệu làm căn cứ ký kết Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ ("HĐSHKN").

- Các thông tin về tổng mức vốn đầu tư của Dự án, về chủ đầu tư về địa điểm thực hiện Dự án không phải là căn cứ pháp lý hay điều kiện bắt buộc để Nguyên đơn ký Xác nhận đặt chỗ với Công ty.

- Nguyên đơn đã lựa chọn Căn hộ Nghỉ Dưỡng loại A, với số người được thực hiện quyền nghỉ dưỡng tối đa không quá 5 người nghỉ tại cùng một thời điểm theo Điều 1.13 Phụ lục B HĐSHKN. Bản mô tả chi tiết căn hộ cũng được đính kèm HĐSHKN, trong đó mô tả sơ bộ về nội thất và các tiện ích của Căn hộ nghỉ dưỡng loại A để khách hàng cũng như Nguyên đơn có đầy đủ thông tin và cân nhắc trước khi ký Xác nhận đặt chỗ và HĐSHKN.

- Trên thực tế, Khu Nghỉ dưỡng đã được đầu tư xây dựng theo đúng tiêu chuẩn 5 sao và đã được công nhận đạt tiêu chuẩn 5 sao theo Quyết định số 932/QĐ-TCDL đề ngày 23/7/2020 về việc công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch của T3 – Bộ V.

Trong phạm vi vụ án này, Nguyên đơn đang đề nghị Tòa án tuyên Xác nhận đặt chỗ vô hiệu mà không khởi kiện tranh chấp thực hiện HĐSHKN. Do đó, trong trường hợp Nguyên đơn thực hiện quyền nghỉ dưỡng và Nguyên đơn thấy rằng Công ty không cung cấp dịch vụ theo đúng quy định tại HĐSHKN thì Nguyên đơn hoàn toàn có quyền khởi kiện vụ án khác với quan hệ pháp luật khác. Do vấn đề tranh chấp thực hiện HĐSHKN không nằm trong phạm vi của vụ án này vì vậy, đề nghị Tòa án không xem xét yêu cầu của Nguyên đơn liên quan đến chất lượng và tiện ích của căn hộ nghỉ dưỡng.

Như vậy, các ý kiến và lập luận trên đây đã khẳng định Bị đơn và Công ty không vi phạm các quy định về Luật quảng cáo, không lừa dối Nguyên đơn và Nguyên đơn không bị nhầm lẫn khi ký kết HĐSHKN hay Xác nhận đặt chỗ với Công ty. Nguyên đơn đã ký kết Xác nhận đặt chỗ và HĐSHKN trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, đe dọa, do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của Nguyên đơn.

Đối với ý kiến của Nguyên đơn cho rằng các Bị đơn ký “Xác Nhận Đặt chỗ” không có thẩm quyền đại diện giao kết:

- Tương tự như các ý kiến đã nêu trên đây, Công ty khẳng định các Bị đơn đã thực hiện công việc theo đúng nhiệm vụ được Công ty giao, cụ thể là giới thiệu, tư vấn về sản phẩm sở hữu kỳ nghỉ của Công ty, cũng như về nội dung Hợp đồng Sở hữu kỳ nghỉ và các chính sách ưu đãi (nếu có) cho khách hàng trong đó có Nguyên đơn.

- Xác nhận đặt chỗ là một trong các tài liệu của HĐSHKN thể hiện quá trình giao kết và thực hiện HĐSHKN giữa Nguyên đơn và Công ty.

- Công ty xác nhận Công ty là một bên chủ thể ký kết Xác nhận đặt chỗ và chịu trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Xác nhận đặt chỗ do Đặng Ngọc T và anh Nguyễn Minh C thay mặt Công ty ký kết với Nguyên đơn.

- Việc các bị đơn là anh Đặng Ngọc T và anh Nguyễn Minh C ký vào Xác nhận đặt chỗ không có nghĩa là anh T và anh C trở thành một bên chủ thể trong Xác nhận đặt chỗ.

- Khoản tiền 66.262.500 đồng mà anh T và anh C thay mặt Công ty N1 đã được nộp về Công ty và được Công ty ghi nhận tại các phiếu thu số 0019584, 0019586 các hóa đơn tài chính số 0001068 và 0001067 trong cùng ngày 3/3/2019.

- Thêm nữa, Xác nhận đặt chỗ không phải là tài liệu duy nhất được ký kết giữa Nguyên đơn và Công ty, mà ngay sau đó Nguyên đơn và Công ty đã ký HĐSHKN số PBRC-S 072224 đề cùng ngày. Do đó, sau khi HĐSHKN được ký kết, quyền và nghĩa vụ của Nguyên đơn và Công ty tiếp tục được điều chỉnh bởi HĐSHKN.

Công ty hoàn toàn tôn trọng các thỏa thuận trong HĐSHKN và đã tuân thủ đúng các thỏa thuận đó. Tuy nhiên, về phần mình Nguyên đơn đã chủ động vi phạm cam kết, đã đơn phương chấm dứt HĐSHKN thể hiện bằng việc không tiếp tục đóng các khoản tiền thanh toán tiền thuê phòng theo thỏa thuận trong HĐSHKN và khởi kiện các Bị đơn ra tòa án.

Từ các ý kiến đã nêu trên đây đã khẳng định yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên Xác nhận đặt chỗ vô hiệu là không có cơ sở pháp lý để chấp nhận, do các bị đơn đã thực hiện công việc, cụ thể là ký Xác nhận đặt chỗ trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được Công ty giao và Công ty đã xác nhận giá trị hiệu lực của Xác nhận đặt chỗ như nêu trên.

Vì vậy, việc Nguyên đơn cho rằng Bị đơn ký xác nhận đặt chỗ là người không có thẩm quyền đại diện là không có cơ sở để chấp nhận.

Do không có căn cứ chứng minh Xác nhận đặt chỗ bị vô hiệu do bị lừa dối, nhầm lẫn hay vi phạm điều cấm của Luật như ý kiến của Nguyên đơn, mặt khác Công ty đã xác nhận giá trị hiệu lực của Xác nhận đặt chỗ do các Bị đơn ký kết nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên Xác nhận Đặt chỗ vô hiệu và buộc anh T, anh C và Công ty liên đới hoàn trả khoản tiền 66.262.500 đồng (*Sáu mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) như Nguyên đơn đã nêu trong Đơn Khởi kiện.

Vì vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 14/01/2021; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Goh Leong H1 (có ông T1 làm đại diện) trình bày:

Ông Goh Leong H1 thống nhất và đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn và Công ty TNHH K liên đới với các bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền mà nguyên đơn yêu cầu.

Ngày 30/11/2020, ông Goh Leong H1 (có ông T1 làm đại diện) nộp đơn yêu cầu độc lập đối với Công ty TNHH K, cụ thể: Đề nghị Tòa án quyết định thời hạn

đề bà Võ Thị Thúy L, ông Goh Leong H2 và Công ty TNHH K cùng nhau thỏa thuận lại các phần thay thế quy định không có hiệu lực, vô hiệu của hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ số PBRC-07224. Nếu các bên không thể thỏa thuận hoặc hết thời hạn Tòa án quyết định nhưng các bên không thỏa thuận được nội dung thay thế quy định không có hiệu lực, vô hiệu thì Tòa án áp dụng tương tự pháp luật theo khoản 3 Điều 420 Bộ luật dân sự để giải quyết hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ số PBRC-S-072224 bị chấm dứt.

Ngày 03/4/2021, ông Goh Leong H1 (có ông T1 làm đại diện) nộp đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, cụ thể:

Giấy ủy quyền ngày 14/02/2020 lập tại Văn phòng C2 (Quận A, TP HCM), ông Đặng Ngọc T là bị đơn, ủy quyền cho bà Phạm Thị Kiều H để tham gia tố tụng.

Giấy ủy quyền ngày 26/02/2020 lập tại Văn phòng C3 (Quận H, TP . Hà Nội), ông Nguyễn Minh C là bị đơn, ủy quyền cho bà Phạm Thị Kiều H để tham gia tố tụng.

Căn cứ pháp luật của việc yêu cầu: Trong vụ án có ông Đặng Ngọc T (bị đơn), ông Nguyễn Minh C (bị đơn), Công ty TNHH K (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có tranh chấp về: giao dịch giấy "Xác nhận đặt chỗ" giữa các bên, số tiền cọc được thu cho "Xác nhận đặt chỗ" hay thu cho "Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ", tranh chấp về việc ký "Xác nhận đặt chỗ" không có ủy quyền, việc yêu cầu "đòi tiền cọc" có liên quan đến trách nhiệm riêng của các đương sự. Bà Phạm Thị Kiều H là Giám đốc pháp chế - Người lao động của Công ty TNHH K nên việc bà Phạm Thị Kiều H nhận ủy quyền của ông Đặng Ngọc T và ông Nguyễn Minh C (giao dịch dân sự) làm bà Phạm Thị Kiều H (Người lao động) đối lập quyền và lợi ích hợp pháp với Công ty TNHH K (Người sử dụng lao động) nên theo Điều 87 Bộ Luật tố tụng dân sự thuộc trường hợp không được làm người đại diện. Do đó, đề nghị Tòa án đưa bà Phạm Thị Kiều H, Văn phòng C2 (Quận A, TP .), Văn phòng C3 (Quận H, TP . Hà Nội) tham gia vào vụ án với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 719/2021/DS-ST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn về việc chấm dứt thực hiện "Xác nhận đặt chỗ" số BCS-HCM-015431 ngày 03/3/2019.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn về việc tuyên bố vô hiệu đối với bản “Xác nhận đặt chỗ” số BCS-HCM- 015431 ngày 03/3/2019.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn buộc ông Đặng Ngọc T, ông Nguyễn Minh C và Công ty TNHH K cùng liên đới hoàn trả lại số tiền 66.262.600 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31/5/2021, bà Võ Thị Thúy L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Đức P đại diện cho bà Võ Thị Thúy L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Trần Đức P đại diện cho bà Võ Thị Thúy L trình bày: Căn cứ kháng cáo ông có đơn trình bày ngày 11/5/2024. Giao dịch dân sự chưa xác định xác nhận đặt chỗ là giao dịch gì, chưa xem xét điều kiện có hiệu lực giao dịch theo Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015; chưa xem xét về việc giao dịch “Xác nhận đặt chỗ” vô hiệu do bị lừa dối, nhầm lẫn, vi phạm điều cấm, không đúng thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng chứng cứ và đánh giá sai pháp luật. Khi tuyên án không áp dụng văn bản pháp luật nào mà Tòa án quyết định, quá trình giải quyết vụ án không công khai đủ chứng cứ. Đối với yêu cầu độc lập của Goh L, phát hành văn bản không đúng ngày ghi trên văn bản. Người có quyền lợi nghĩa, vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, giải thích sai quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm “sáng tác” thủ tục tố tụng mới, ra Thông báo không thụ lý vụ án. Những lời khai của ông C, ông T khai về thông tin dự án không phải ở N mà ở C, về nhà đầu tư của dự án. Cuốn Tạp chí A1 thông báo cho bà L đã bị Cục X thu hồi. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, thụ lý đơn của ông G Leong Hock để giải quyết vụ án triệt để, đúng pháp luật, áp dụng quy định pháp luật bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Bà Phạm Thị Kiều H trình bày: Không đồng ý với ý kiến của ông P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Hữu T1 trình bày: Đồng ý với ý kiến của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu độc lập của ông Goh Leong H1.

Bà Phạm Thị Kiều H trình bày: Bà không đồng ý với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng Tòa án không xem xét, đánh giá giao dịch đặt chỗ là gì. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, lời khai, bản án, phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá xác định đặt chỗ, chủ thể, tư cách

tham gia... thể hiện trong phần hỏi đáp từ trang 11-13. Hội đồng xét xử đã nhận định nguyên đơn khởi kiện không đúng đối tượng. Biên bản phiên họp, đại diện Tòa án giải thích cho phía nguyên đơn về chủ thể. Nguyên đơn sau khi được giải thích vẫn giữ quan điểm. Giao dịch xác nhận đặt chỗ là một phần tài liệu trong ký kết hợp đồng. Khách hàng thanh toán đã được đưa vào hợp đồng. Quan hệ lao động, công ty cung cấp cho tòa, 02 người lao động làm việc cho công ty. Về vốn góp, yếu tố lừa dối đã được làm rõ. Công ty đã cung cấp tài liệu, cung cấp bản án liên quan có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu T1 trình bày: Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm ký, tuy nhiên hợp đồng này chưa có hiệu lực do có một số yếu tố nhằm lừa, lừa dối. Ông Goh Leong H1 không kháng cáo bản án sơ thẩm. Quá trình giải quyết, ông Goh Leong H1 có yêu cầu độc lập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết đơn của ông G Leong Hock đúng trình tự thủ tục nên đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết yêu cầu của ông Goh Leong H1 cho đúng quy định pháp luật. Ông Goh Leong H1, chồng bà L xác định hợp đồng chưa được chính thức ký đầy đủ, chưa có hiệu lực đầy đủ.

Ông Trần Đức P đại diện cho bà Võ Thị Thúy L trình bày: Bị đơn trình bày sai chủ thể, tranh luận không đúng tư cách của bị đơn. Bìa sở hữu kỳ nghỉ nhưng nội dung giao dịch cho nhân viên ký, công ty không chịu trách nhiệm. Đối với giấy tờ thông tin, tin giao cho khách hàng không có ràng buộc công ty. Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ không có giá trị. Bà L đóng tiền mang bản gốc về. Nguyên đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý. Trong hồ sơ có hợp đồng có chữ ký của bà L, có dấu công ty, ông có biết việc này. Cuốn tạp chí lừa dối dẫn đến hợp đồng vô hiệu. Tinh thần trong Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ không phải xác định có lừa dối hay không mà do ông C, ông T quảng bá không đúng sự thật.

Ông Nguyễn Hữu T1 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm có cung cấp công khai chứng cứ. Bà L giữ hợp đồng bản gốc, không có chữ ký của công ty.

Bà Phạm Thị Kiều H trình bày: Bà L ký trước. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà có đưa Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ bản gốc có chữ ký của hai bên, có cung cấp bản gốc, mời bà L nhận nhưng bà không chịu nhận. Công ty có 16.000 khách hàng, 120 vụ tranh chấp, đưa ra xử 40-50 vụ khách hàng kiện công ty, có bản án sơ thẩm, phúc thẩm và trả lời không kháng nghị giám đốc thẩm.

Ông Trần Đức P đại diện cho bà Võ Thị Thúy L trình bày: Mỗi vụ kiện có thời gian khác nhau.

Ông Nguyễn Hữu T1 trình bày: Ông Goh Leong H1 vẫn muốn ổn định thời gian thỏa thuận điều khoản vô lý dẫn đến hợp đồng vô hiệu. Đơn của ông G Leong Hock chưa được xem xét nên đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông C, ông T đại diện cho công ty. Nguyên đơn khởi kiện 02 bị đơn không đúng đối tượng. Án sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị Thúy L đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Chấm dứt thực hiện việc "Xác nhận đặt chỗ" số BCS-HCM-015431 ngày 03/3/2019 do nhân viên Đặng Ngọc T và Nguyễn Minh C thực hiện công việc không có ủy quyền. Yêu cầu về việc tuyên bố giao dịch vô hiệu, bản "Xác nhận đặt chỗ" số BCS-HCM- 015431 ngày 03/3/2019 là vô hiệu toàn bộ do "trong quá trình giao dịch, ngay trước thời điểm người tiêu dùng ký các văn bản giao dịch (Xác nhận đặt chỗ)" thì người tiêu dùng đã bị Công ty L3, Người tiêu dùng bị nhầm lẫn, có việc trái quy định và điều cấm của luật. Buộc ông Đặng Ngọc T và ông Nguyễn Minh C cùng liên đới hoàn trả lại số tiền 66.262.500 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH K cùng có trách nhiệm liên đới với ông T và ông C hoàn trả lại số tiền 66.262.500 đồng cho bà L vì Công ty TNHH K du Lịch Vịnh Thiên Đ đang giữ số tiền này. Đây là khoản tiền bà L đã đặt cọc để sở hữu kỳ nghỉ từ Công ty TNHH K. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về giao dịch dân sự đòi tiền cọc. Tòa án cấp phúc thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng dịch vụ" được quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 14 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cho đúng tinh thần Án lệ số 42/2021/AL.

Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ số PBRC-S-072224 thuộc loại hợp đồng soạn sẵn do nhà cung cấp dịch vụ đưa ra, soạn sẵn quy định thỏa thuận trọng tài, nay nguyên đơn là người tiêu dùng không đồng ý lựa chọn trọng tài và yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là phù hợp Điều 38 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Điều 17 Luật Trọng tài thương mại và hướng dẫn tại khoản 5 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Thị Thúy L là nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] “Xác nhận đặt chỗ” ngày 03/3/2019 là mẫu do Công ty TNHH K du lịch Vịnh Thiên Đ phát hành và có đóng dấu của Công ty.

“Xác nhận đặt chỗ” được ký kết giữa bà Võ Thị Thúy L (Khách nghỉ dưỡng) với ông Đặng Ngọc T (Quản lý kinh doanh) với nội dung sử dụng tuần nghỉ tại Alma 2019, loại căn hộ A, tuần số 44 theo hợp đồng số PBRC-S-072224.

Xác nhận đặt chỗ không phải là tài liệu duy nhất được ký kết giữa nguyên đơn với Công ty, mà ngay sau đó nguyên đơn và Công ty đã ký hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ số PBRC-S 072224 cùng ngày trên cơ sở “Xác nhận đặt chỗ” số BCS-HCM-015431 ngày 03/3/2019.

Theo Hợp đồng Lao động số ASG160238/2016/HĐLĐTH/2 ngày 17/9/2018 giữa Công ty TNHH K du lịch Vịnh Thiên Đ với ông Đặng Ngọc T thì từ ngày 17/9/2018 đến hết ngày 16/9/2019, ông T là nhân viên của Công ty với chức vụ là quản lý kinh doanh thuộc bộ phận kinh doanh của Công ty.

Tại nội dung mô tả công việc, gói lợi ích và định nghĩa đính kèm theo hợp đồng lao động thì trách nhiệm công việc mà ông T được công ty giao là tham gia vào quá trình bán hàng bao gồm: Đàm phán, đưa ra quyết định... và nhiệm vụ là đại diện cho công ty với danh dự và sự thành thật; đồng thời trong phần định nghĩa đã định nghĩa quản lý kinh doanh là người được đào tạo trong công ty, được công ty trao quyền bán quyền nghỉ dưỡng và quản lý một đội ngũ kinh doanh.

Như vậy, khi tham gia ký kết “Xác nhận đặt chỗ” ngày 03/3/2019 với bà Võ Thị Thúy L thì ông T đã ký với tư cách là đại diện cho Công ty TNHH K theo phạm vi trách nhiệm công việc, nhiệm vụ mà ông T được công ty giao.

[2.2] Thực hiện “Xác nhận đặt chỗ” ngày 03/3/2019, bà Võ Thị Thúy L đã đặt cọc cho ông Nguyễn Minh C số tiền 1.000.000 đồng theo phiếu thu số 0019584 ngày 03/3/2019 và 65.262.500 đồng theo phiếu thu số 0019586 ngày 03/3/2019, tổng cộng là 66.262.500 đồng. Tại thời điểm này, ông C là nhân viên đại diện kinh doanh thuộc bộ phận kinh doanh của Công ty TNHH K theo Hợp đồng lao động

số ASG181396/2018/HĐLĐTH/1 ngày 06/12/2018 và khi thu tiền ông C đã sử dụng các phiếu thu (có đóng dấu treo) của Công ty TNHH K, đồng thời Công ty đã xuất các hóa đơn tài chính số 0001068 và 0001067 trong cùng ngày 03/3/2019. Mặt khác, 02 phiếu thu số 0019584, 0019586 thể hiện rõ nội dung thu là tiền đặt cọc cho Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ số 072224 của chủ sở hữu là bà Võ Thị Thúy L và Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ số PBRC-S-072224 ngày 03/3/2019 được ký kết giữa bà L với Công ty.

Như vậy, giao dịch "Xác nhận đặt chỗ" số BCS-HCM-015431 ngày 03/3/2019 được xác lập giữa một bên là bà Nguyễn Thị Thúy L2 với bên còn lại là Công ty TNHH K.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện ông Đặng Ngọc T, ông Nguyễn Minh c để yêu cầu chấm dứt, tuyên bố vô hiệu đối với "Xác nhận đặt chỗ" và hoàn trả lại số tiền 66.262.500 đồng là khởi kiện không đúng chủ thể. Lẽ ra, nguyên đơn phải khởi kiện đối với bị đơn là Công ty TNHH K.

Ngoài ra, bản chất giấy xác nhận đặt chỗ là hợp đồng đặt cọc. Theo thỏa thuận thì số tiền đặt cọc trên sẽ chuyển thành số tiền thanh toán đợt 1 khi đến ngày khai trương chính thức. Như vậy, tại thời điểm xác lập Giấy xác nhận đặt chỗ thì số tiền trên là tiền đặt cọc để đặt chỗ nhằm đảm bảo thực hiện hợp đồng dịch vụ. Hợp đồng đặt cọc này không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Mặt khác, tại mục 4.1 của Hợp đồng cũng có quy định: "Khách nghỉ dưỡng, theo Hợp đồng này, cam kết không hủy ngang và đồng ý đặt chỗ để hưởng quyền nghỉ dưỡng theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này. Để đặt chỗ, khách nghỉ dưỡng sẽ thanh toán tiền đặt cọc cho Công ty theo Điều 5.2 Phụ lục C". Công ty TNHH K không vi phạm hợp đồng, nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh bị đơn và Công ty TNHH K vi phạm hợp đồng đặt cọc; các bên đã thỏa thuận Hợp đồng không bị hủy ngang; "Hợp đồng sở hữu kỳ nghỉ" không bị vô hiệu như yêu cầu của nguyên đơn, do đó, yêu cầu hoàn trả số tiền 66.262.500 đồng của nguyên đơn là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3] Người đại diện theo uỷ quyền của ông Goh Leong H1 đề nghị huỷ bản án sơ thẩm nhưng không có kháng cáo. Trong phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét việc này.

[3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L2, giữ y bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

Bản án sơ thẩm ghi số tiền 66.262.600 đồng trong phần tuyên án, đúng là 66.262.500 đồng mới chính xác. Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho chính xác số tiền yêu cầu không được chấp nhận.

Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn về thông tin tại 02 biên lai tạm ứng án phí mà bà Võ Thị Thúy L đã nộp. Vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại thành biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0005570 ngày 20 tháng 12 năm 2019 và 1.659.050 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0005571 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 cho chính xác.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 328, 401, 513 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14, Điều 42, Điều 43 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Điều 74 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 17 Luật Trọng tài thương mại; Mục 4 Chương IV Luật Du lịch

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Thúy L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 719/2021/DS-ST ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn về việc chấm dứt thực hiện "Xác nhận đặt chỗ" số BCS-HCM-015431 ngày 03/3/2019.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn về việc tuyên bố vô hiệu đối với bản "Xác nhận đặt chỗ" số BCS-HCM- 015431 ngày 03/3/2019.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn buộc ông Đặng Ngọc T, ông Nguyễn Minh C và Công ty TNHH K cùng liên đới hoàn trả lại số tiền 66.262.500 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Thúy L chịu 3.613.275 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng do bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0005570 ngày 20 tháng 12 năm 2019 và 1.659.050 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0005571 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1. Bà L phải nộp thêm 1.654.225 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Thúy L phải chịu án phí là 300.000 đồng, được căn trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0094764 ngày 15/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (Án – Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương